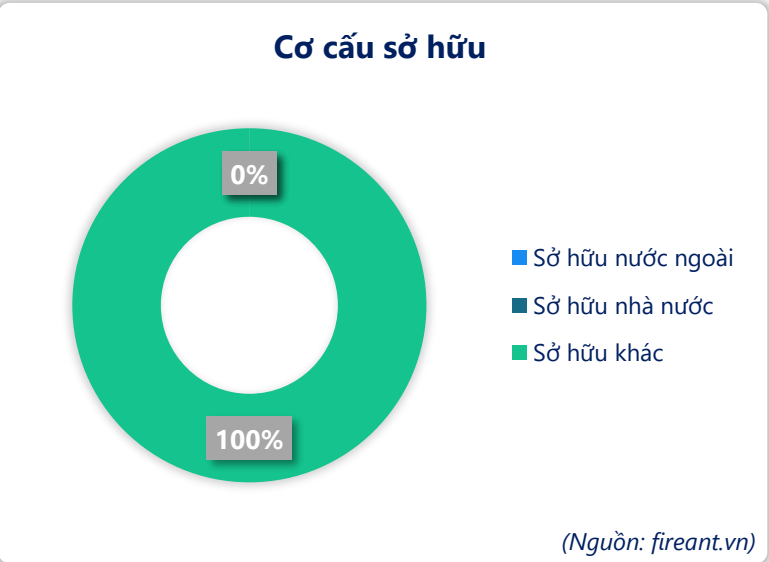
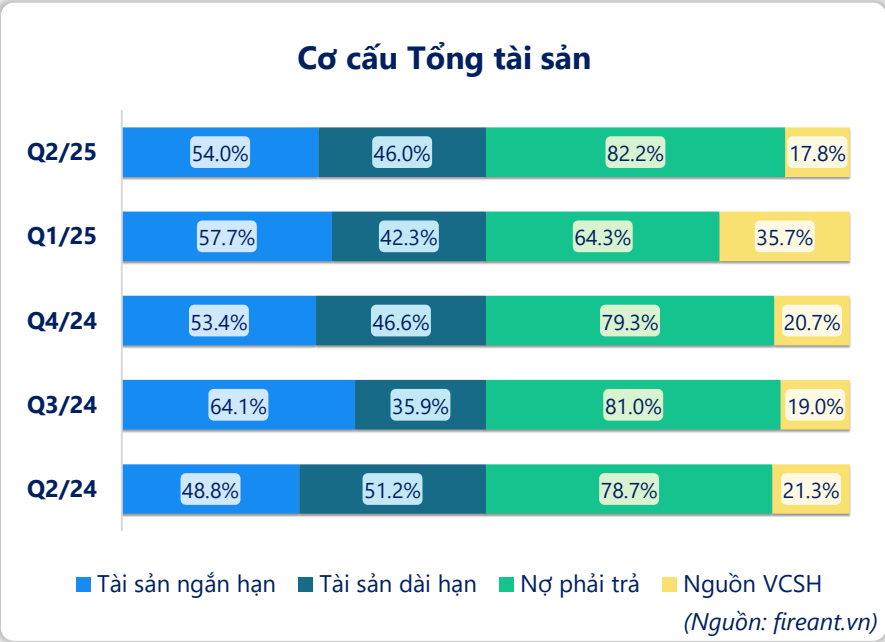
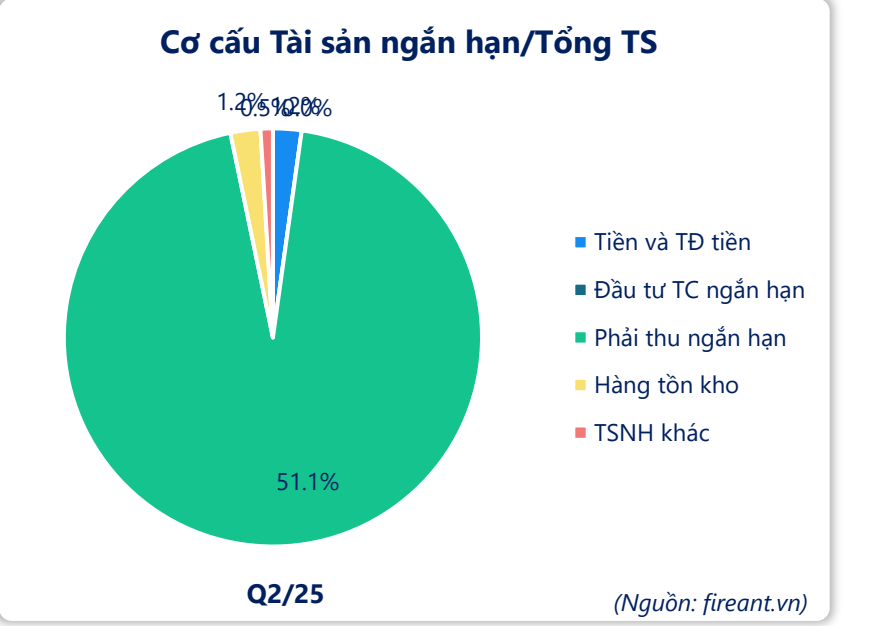
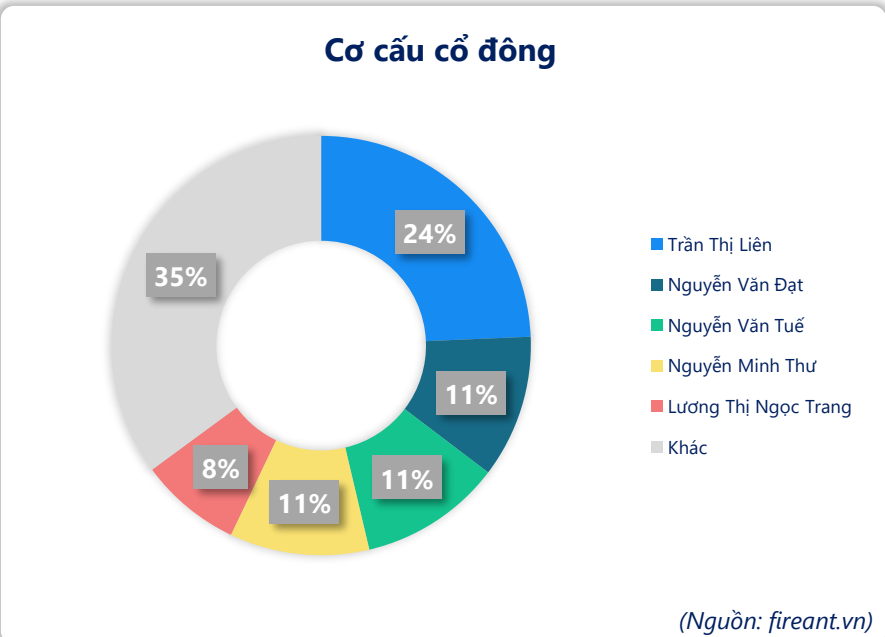
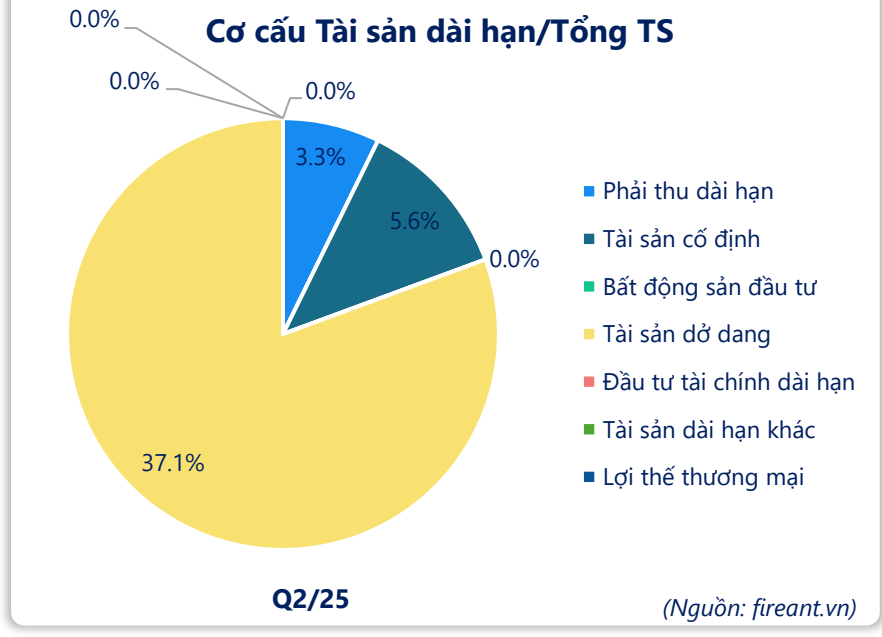
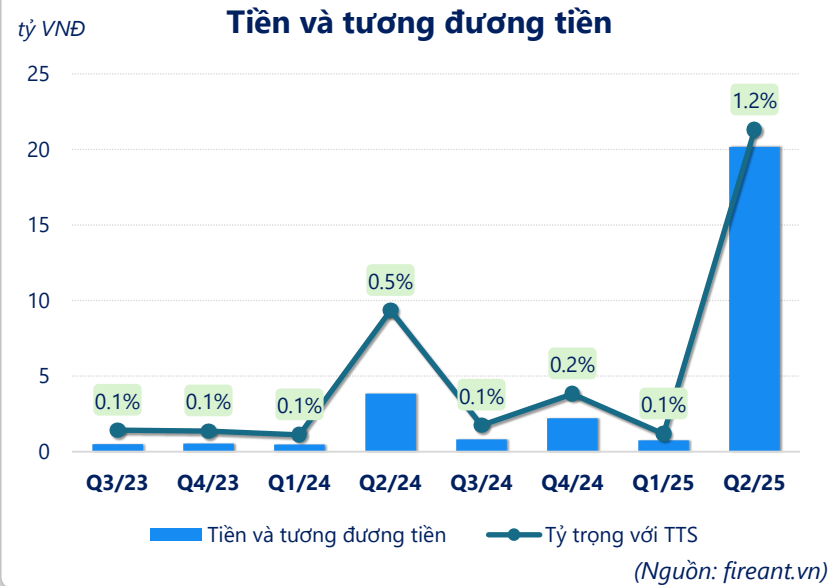
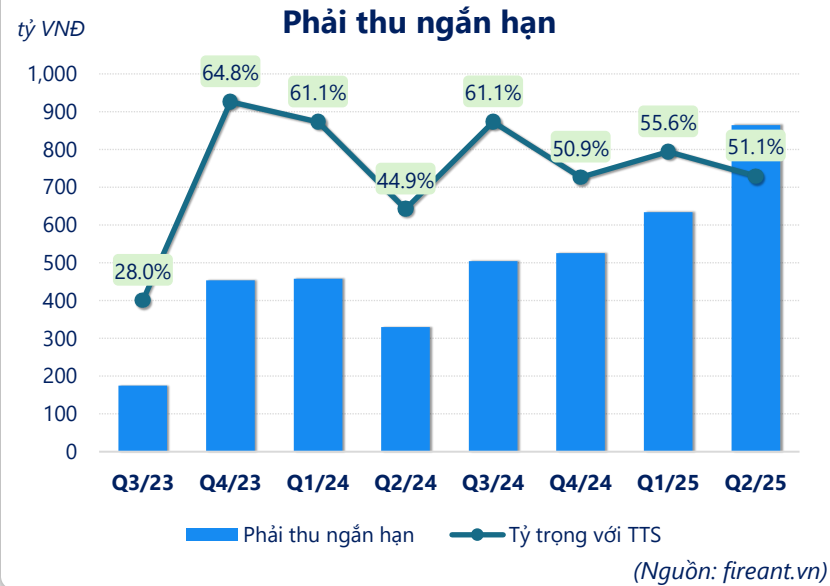
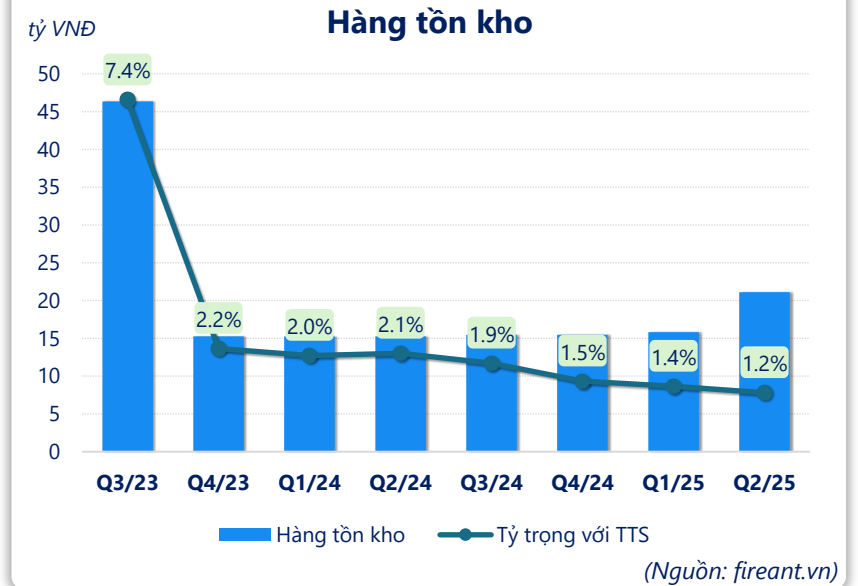
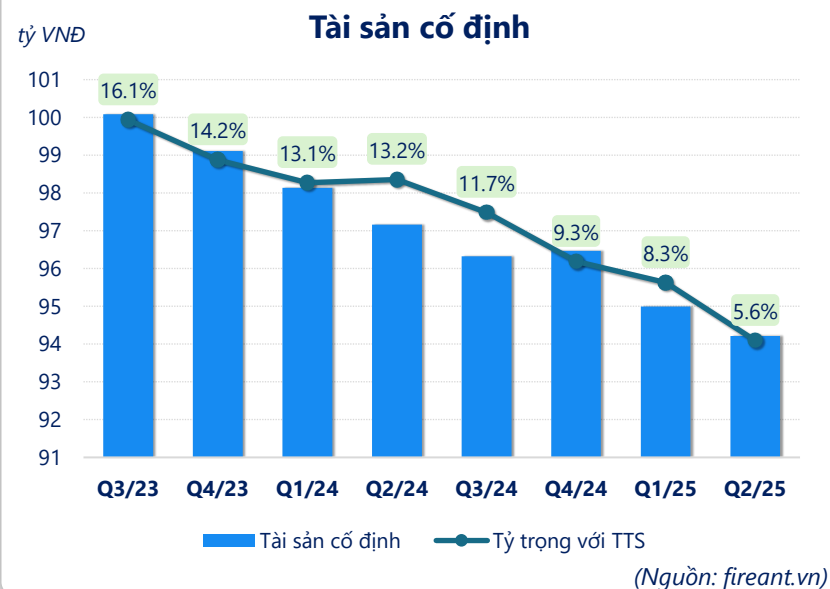
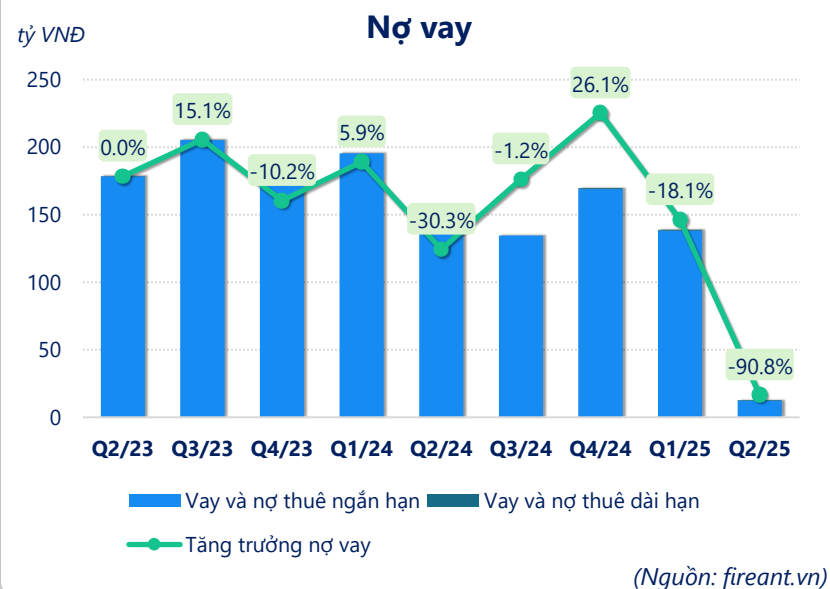
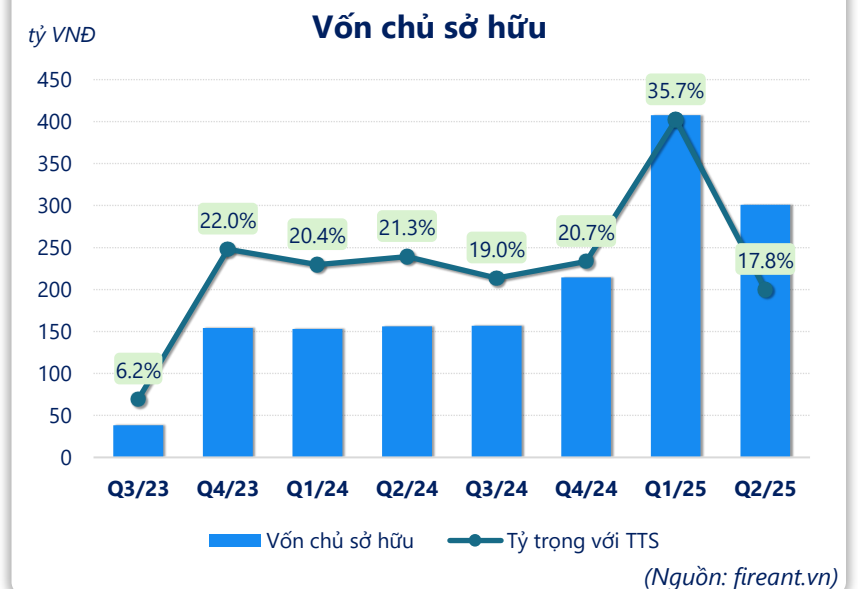
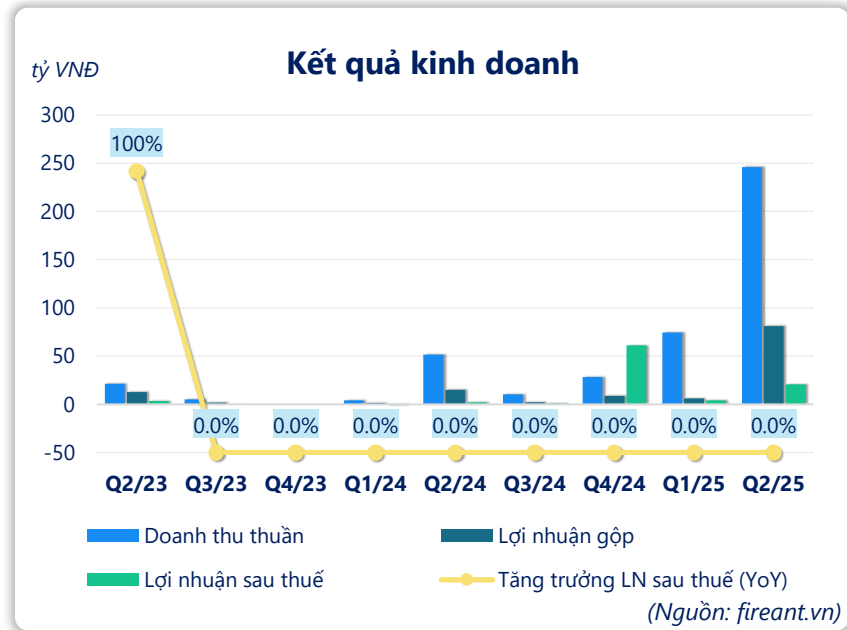
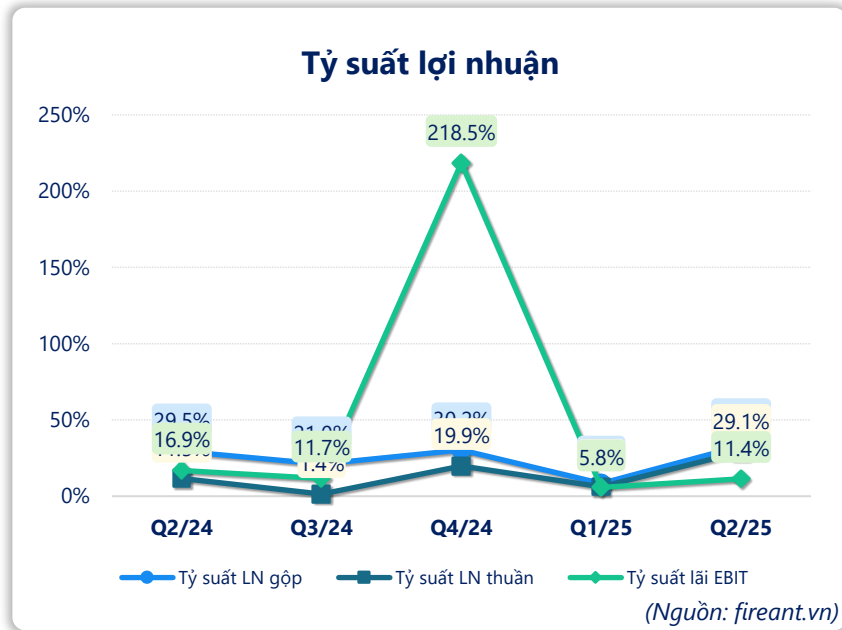
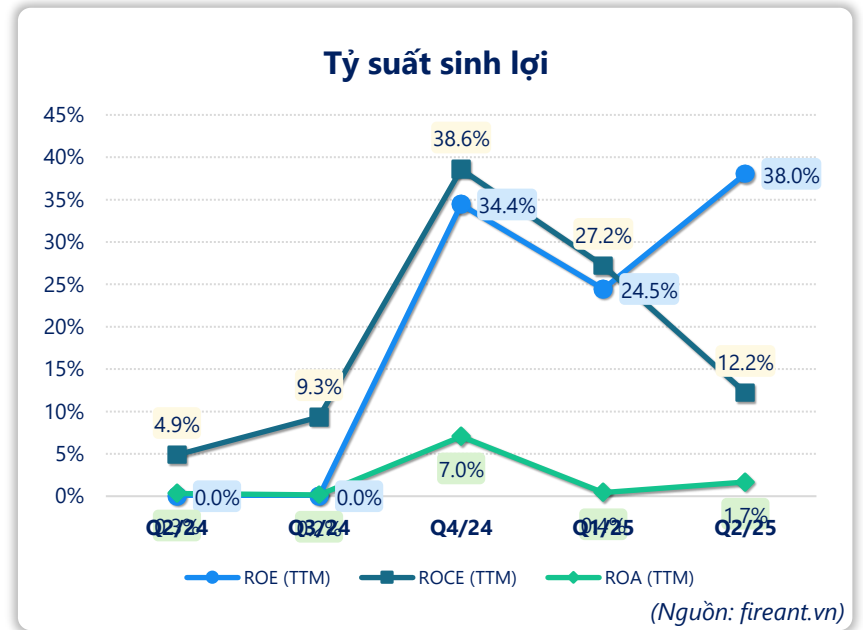
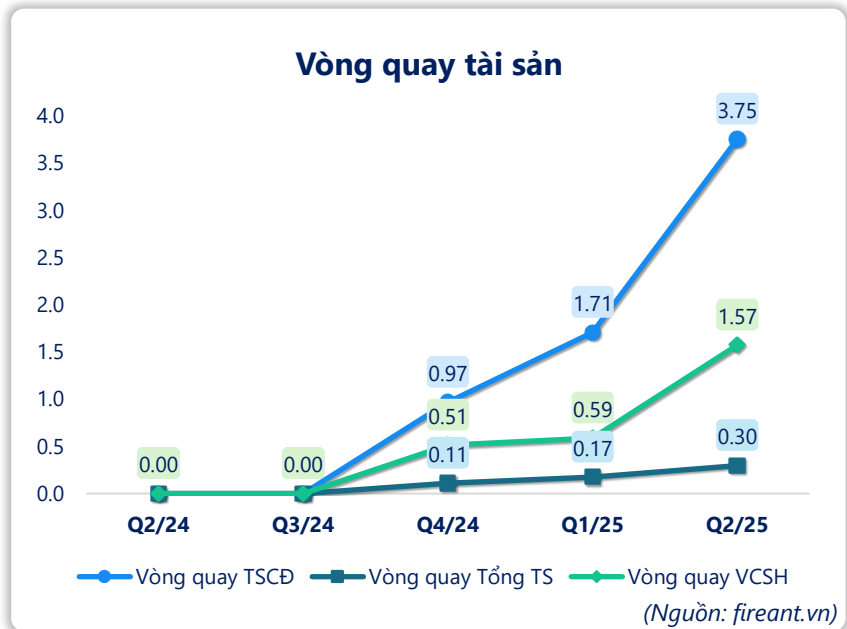
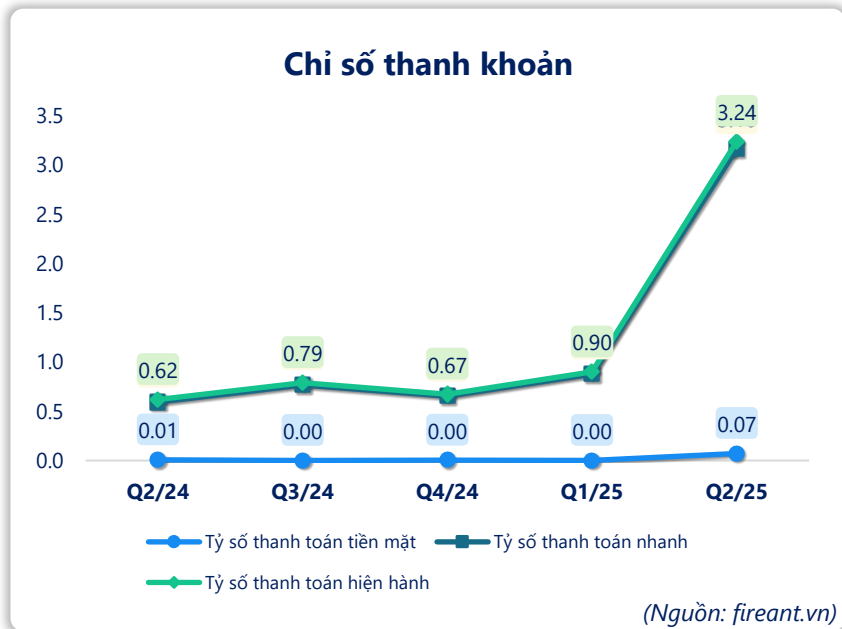
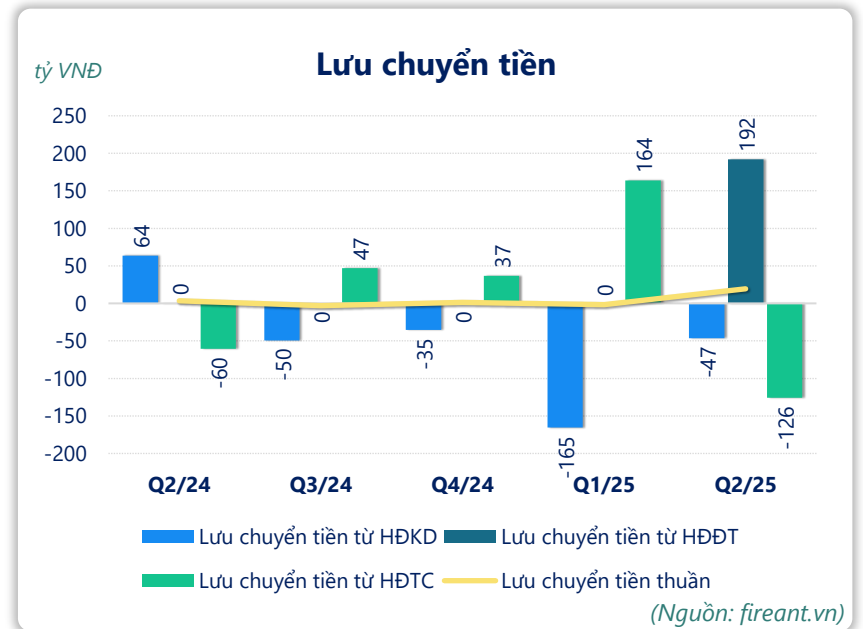


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,310
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,440
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,820
SL cổ phiếu LH		51,039,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)		274,010
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		424
P/E		4.9
EPS		1,702

	YTD	1T	3T	6T
CIG	0.8%	6.1%	-7.6%	4.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,692	982	72.2%
Tài sản ngắn hạn	914	343	166%
Tiền và tương đương tiền	20.2	2.21	811%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	864	317	172%
Hàng tồn kho	21.1	15.5	36.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.72	8.26	5.7%
Tài sản dài hạn	778	639	21.7%
Phải thu dài hạn	56.5	158	-64.1%
Tài sản cố định	94.2	95.9	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	627	386	62.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.02	-36.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,391	774	79.8%
Nợ ngắn hạn	282	493	-42.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.3	169	-92.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.2	90.9	-56.9%
Nợ dài hạn	1,109	281	295%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.52	0.59	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	301	209	44.0%
Vốn chủ sở hữu	301	209	44.0%
Vốn điều lệ	510	315	61.8%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	51.5	10.5	28.4	74.3	246
Giá vốn hàng bán	36.3	8.28	19.8	68.1	165
Lợi nhuận gộp	15.2	2.21	8.58	6.23	81.1
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.00	0.01	0.01
Chi phí TC	6.57	0.05	1.11	0.05	6.98
Chi phí lãi vay	6.57	0.05	1.11	0.05	6.93
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.22	0.05	0.02	0.04	0.08
Chi phí QLDN	2.44	1.96	1.81	1.62	2.35
LN thuần từ HĐKD	5.94	0.15	5.65	4.53	71.7
Lợi nhuận khác	-3.79	1.03	55.3	-0.29	-50.7
LN trước thuế	2.15	1.18	61.0	4.24	21.0
Lợi nhuận sau thuế	2.13	1.18	61.0	4.24	20.8
LNST của CĐ cty mẹ	2.20	1.12	61.0	4.24	20.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.6	-49.5	-35.4	-165	-46.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	-0.26	-0.06	0.01	192
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.5	46.8	36.8	164	-126
Tiền đầu kỳ	0.47	3.84	0.81	2.21	0.75
Lưu chuyển tiền thuần	3.37	-3.03	1.40	-1.46	19.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	3.84	0.81	2.21	0.75	20.2

(Nguồn: fireant.vn)